

Số: 05/2024/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 12 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 231/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 714, tổ 8, ấp Tân H, xã An Nh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân H, xã An Nh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân H, xã An Nh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông C, bà V là bà Cao Thị Mỹ X, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp An Ph, xã An Nh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 28 tháng 12 năm 2023.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V thống nhất trả cho ông Trương Văn L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về án phí: Ông Trương Văn C và bà Lê Thị Thanh V chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trương Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.845.000 đồng theo biên lai thu số 0002102 ngày 15/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Châu Văn Bình

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2016/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2016/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).